TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 668/2024/DS-PT
Ngày: 22-8-2024
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đinh Ngọc Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh TV bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2495/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương Nhựt T, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Nhựt T1 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1950 (chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N:

1.1. Bà Tô Thị C, sinh năm 1953 (có mặt);

1.2. Anh Trần Hải K, sinh năm 1980 (có mặt);

1.3. Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982 (vắng mặt);

2. Ông Hà Văn T2, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Tô Thị C, sinh năm 1953 (có mặt);

2. Bà Tô Thị N1, sinh năm 1959 (vắng mặt);

3. Anh Trần Hải K, sinh năm 1980 (có mặt);

4. Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982 (vắng mặt);

5. Chị Trần Thị Mỹ T3, sinh năm 1980 (vắng mặt);

6. Chị Trần Thị Ngọc T4, sinh năm 2000 (vắng mặt);

7. Chị Trần Thị Ngọc K1, sinh năm 2003(vắng mặt);

8. Chị Trần Thị Ngọc K2, sinh năm 2005 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Ngọc H, Trần Thị Mỹ T3, Trần Thị Ngọc K1, Tô Thị N1: Anh Trần Hải K, sinh năm 1980 (có mặt) (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2023).

9. Chị Trần Thị T5, sinh năm 1976 (vắng mặt);

10. Chị Hà Thị Ngọc G, sinh năm 2000 (vắng mặt);

11. Anh Hà Trọng K3, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị T5, chị Hà Thị Ngọc G, Hà Trọng K3: Ông Hà Văn T2, sinh năm 1979 (có mặt) (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2023).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

12. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh TV

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh B – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

13. Bà Lưu Thị C1 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lưu Thị C1:

13.1. Ông Hà Văn L, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số G, đường số A, ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

13.2. Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt);

13.3. Ông Hà Văn T2, sinh năm 1979 (có mặt);

13.4. Ông Hà Quốc T6, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

13.5. Ông Hà Minh H1, sinh năm 1970 (vắng mặt);

13.6. Bà Hà Thị C2, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh TV.

13.7. Ông Hà Ngọc S, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh TV

13.8. Bà Hà Thị B1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh TV

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Văn L, Hà Thị Đ, H, Hà Minh H1, Hà Thị C2, Hà Ngọc S, Hà Thị B1: Ông Hà Văn T2, sinh năm 1979 (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

14. Bà Tô Thị Đ1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

15. Bà Tô Thị H2, sinh năm 1964 (vắng mặt).

16. Bà Tô Thị T7, sinh năm 1966 (vắng mặt).

17. Ông Tô Văn N2, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

Người đại diện theo ủy quyền của Tô Thị Đ1, Tô Thị T7, Tô Thị H2, Tô Văn N2: Bà Tô Thị C, sinh năm 1953 (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2023) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

18. Bà Trần Thị P, sinh năm 1981 (vắng mặt);

19. Anh Dương Nhựt T1, sinh năm 1984 (có mặt);

20. Anh Dương Kim Đ2, sinh năm 1990 (vắng mặt);

21. Chị Dương Trúc G1, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị P, anh Dương Kim Đ2, chị Dương Trúc G1: Ông Dương Nhựt T, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV (Theo các văn bản ủy quyền ngày 23/6/2023) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Dương Nhựt T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2017 và các lời khai, biên bản hòa giải ngày 04/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Nhựt T trình bày:

Ngày 02/3/1990, ông Dương Nhựt T có chuyển nhượng của ông Trầm H3 và bà Trương Thị H4, con là Trầm Phước H5 tại khu vực ấp T phần đất có tứ cận: Đông giáp đường ông Táo; Tây giáp Út Nhu; Nam giáp đìa Út Nhu; Bắc giáp lộ đất với giá 400.000 đồng, có làm giấy tay. Cha ông là Dương Văn L1 có thửa đất liền kề và đã kê khai cùng với phần đất chuyển nhượng nên vào năm 1994, ông L1 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.020m^2 thuộc thửa số 621, tờ bản đồ số 2, loại đất cây ăn quả, làm nhà ở. Năm 2002 cha ông chết, ông được thừa kế và được cấp giấy chứng nhận phần đất trên ngày 25/4/2006. Ngày 03/10/2006, ông chuyển nhượng một phần đất tại thửa 621 cho ông Võ Văn P1, sinh năm 1977 diện tích 263m^2 và chuyển nhượng cho Trần Văn T8, sinh năm 1969 diện tích 249m^2, nên diện tích đất còn lại của thửa 621 là 5.508m^2. Đến ngày 28/11/2014, ông T được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận diện tích thửa 621, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.508m^2.

Vào năm 1995, gia đình ông T định làm hàng rào thì gia đình ông N và gia đình ông T9 (cha ông T2) tranh chấp cho đến nay.

Năm 2013, ông Hà Văn T2 ngang nhiên xây cất nền nhà tên phần đất tranh chấp, ông có ngăn cản và báo với chính quyền giải quyết không thành, chuyển cho Tòa án giải quyết.

Hiện tại ông gia đình ông Trần Văn N lấn chiếm 319,6m^2, gia đình ông Hà Văn T2 lấn chiếm 87,7m^2 tại phần đất mà ông chuyển nhượng của ông Trầm H3 và bà Trương Thị H4 vào năm 1990, trên đất chỉ có tre đã có sẵn trước đây, chưa ai sử dụng, ngoại trừ có ông T2 cuốn nên nhà.

Nay ông Dương Nhựt T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TV buộc các kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N giao trả phần đất có diện tích 319,6m^2 và ông Hà Văn T2 giao trả phần đất có diện tích 87,7m^2, di dời nền móng nề nhà xây trên phần đất tranh chấp thuộc thửa 621 cho ông.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 02/11/2021 của ông Trần Văn N và tại phiên tòa bà Tô Thị C, anh K là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N trình bày: Trước năm 1975, cha của ông, bà có bao chiếm phần đất hoang và sử dụng cho đến năm 1983 có kê khai tại thửa 478, tờ bản đồ số 6, hiện phần đất này

cấp nhầm cho ông Dương Nhựt T. Các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 621, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.508m^2 cấp cho ông Dương Nhựt T ngày 11/12/2014, buộc ông T giao trả lại cho ông N (nay là đồng thừa kế của ông N) diện tích 319,6m^2 thuộc một phần thửa 621, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

Theo đơn phản tố ngày 02/11/2021 của ông Hà Văn T2 trình bày: Trước năm 1975, cha của ông là ông Hà Văn T10 có bao chiếm phần đất hoang và sử dụng cho đến năm 1983 có kê khai tại thửa 477, tờ bản đồ số 6, hiện phần đất này cấp nhầm cho ông T. Nay ông T2 yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 621, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.508m^2 cấp cho ông Dương Nhựt T ngày 11/12/2014, buộc ông Dương Nhựt T giao trả lại cho ông phần đất có diện tích 87,7m^2 thuộc một phần thửa 621, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trầm Thị P2, anh Dương Nhựt T1, anh Dương Kim Đ2, chị Dương Thị Trúc G2 có ý kiến trình bày như ông Dương Nhựt T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị N1, bà Tô Thị Đ1, bà Tô Thị H2, bà Tô Thị T7, ông Tô Văn N3 do bà Tô Thị C và anh Trần Hải K làm đại diện, có ý kiến trình bày như bà Tô Thị C, anh Trần Hải K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, ông T6, ông H1, bà C2, ông S, bà B1 do ông Hà Văn T2 làm đại diện, có ý kiến trình bày như ông Hà Văn T2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh TV quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Nhựt T về việc yêu cầu các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N trả lại quyền sử dụng đất diện tích 319,6m^2 và ông Hà Văn T2 trả lại quyền sử dụng đất diện tích 87,7m^2 thuộc một phần thửa số 621, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hà Văn T2 và ông Trần Văn N (nay là các đồng thừa kế của ông N).

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BV 196458, số thửa 621, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.508m^2 do UBND huyện T cấp ngày 11/12/2014 cho ông Dương Nhựt T đứng tên, đất tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

2. Buộc hộ ông Dương Nhựt T gồm: Ông Dương Nhựt T, bà Trầm Thị P2, anh Dương Nhựt T1, chị Dương Trúc G2, anh Dương Kim Đ2 giao diện tích đất 319,6m^2 loại đất CLN, thuộc một phần thửa 621, tờ bản đồ số 2, có diện tích 5.508 m^2 cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn N (Bà Tô Thị C; anh Trần Hải K; chị Trần Thị Ngọc H), phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp đường nhựa có kích thước 18,5m

- Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 621 có kích thước 18,6m

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 621 có kích thước 19,2m

- Hướng Tây giáp (phần A) có kích thước 16,5m

3. Buộc hộ ông Dương Nhựt T gồm: Ông Dương Nhựt T, bà Trầm Thị P2, anh Dương Nhựt T1, chị Dương Trúc G2, anh Dương Kim Đ2 giao diện tích đất 87,7m^2 loại đất CLN thuộc một phần thửa 621, tờ bản đồ số 2, có diện tích 5.508m^2 cho ông Hà Văn T2, phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp đường nhựa có kích thước 5 m

- Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 621 có kích thước 5,6m

- Hướng Đông giáp (phần B) có kích thước 16,5m

- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 621 có kích thước 16,9m

(*Vị trí, kích thước thửa đất xem sơ đồ thửa đất kem công văn số 09 ngày 01/3/2019 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh TV*).

Bà Tô Thị C, anh Trần Hải K, chị Trần Thị Ngọc H và ông Hà Văn T2 có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 621, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV cho ông Dương Nhựt T sau khi trừ diện tích 407.3m^2 giao cho ông T2 và các thừa kế ông N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá tài sản, về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn ông Dương Nhựt T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N gồm bà Tô Thị C, anh Trần Hải K, chị Trần Thị Ngọc H trả lại phần diện tích đất 319,6m^2 và buộc ông Hà Văn T2 trả lại phần diện tích đất 87,7m^2 loại đất CLN, thuộc một phần thửa 621, tờ bản đồ số 2, nằm trong tổng diện tích chung 5.508m^2 tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV,

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Dương Nhựt T có người đại diện ủy quyền là ông Dương Nhựt T1 trình bày: Việc kê khai đăng ký không đúng thực tế, có những hộ khai báo không thành thật, tự ý khai báo lấy đất của người khác để nhập vào phần diện tích đất của mình; chính sách quản lý lúc đó còn lỏng lẻo. Vì vậy, đề nghị Hội

đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Nhựt T, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hà Văn T2 và các đồng thừa kế của ông N.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N – anh Trần Hải K và các đồng thừa kế của ông N trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Dương Thựt T11, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Dương Nhựt T nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Phần diện tích đất tranh chấp đã được các hộ gia đình ông T2, ông N đã sử dụng lâu dài và ổn định cho đến nay. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm các tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Theo Công văn số 11/CV-CNHTrC ngày 05/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và Công văn số 123/UBND-NC ngày 03/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T, việc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T chưa phù hợp với quy định pháp luật. Thực tế, hộ gia đình của bị đơn đã có quá trình sử dụng ổn định đến nay. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của ông Dương Nhựt T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh TV có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Nhựt T:

[2.1] Nguyên đơn ông Dương Nhựt T cho rằng phần đất tranh chấp có tổng diện tích 407,3m^2 thuộc một phần thửa 621, tờ bản đồ số 2, toạ lạc tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV (trong đó hộ ông Hà Văn T2 đang sử dụng 87,7m^2 và những người thừa kế của ông Trần Văn N quản lý 319,6m^2) có nguồn gốc do ông Thu n chuyển nhượng từ ông Trầm H3 và bà Trương Thị H4 vào năm 1990. Năm 1994, cha ông T là ông Dương Văn L1 đã kê khai phần đất này cùng thửa đất liền kề

của ông L1 và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.020m^2 thuộc thửa số 621, tờ bản đồ số 2. Năm 2002, ông L1 chết. Ông Thu nhận thừa kế và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/4/2006. Năm 2006, ông T chuyển nhượng một phần đất nên diện tích đất còn lại của thửa 621 là 5.508m^2. Ngày 28/11/2014, ông T được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.508m^2 nêu trên. Ông T căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để yêu cầu Toà án buộc các bị đơn giao trả đất.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Văn N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 319,6m^2 có nguồn gốc do gia đình bao chiếm đất hoang trước năm 1975 và gia đình ông N sử dụng ổn định đất đến nay. Gia đình ông N đã đăng ký kê khai đất vào năm 1983 (thửa đất số 478, tờ bản đồ số 6).

Bị đơn ông Hà Văn T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày phần đất tranh chấp có diện tích 87,7m^2 do cha ông là ông Hà Văn T10 bao chiếm đất hoang từ trước năm 1975 và gia đình ông T2 sử dụng ổn định đến nay. Gia đình ông T2 đã đăng ký kê khai đất vào năm 1983 (thửa đất số 477, tờ bản đồ số 6)

[2.2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu nhập, giao nộp chứng cứ cho Toà án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp"*; khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh của đương sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia tố tụng và theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"*. Các quy định này cho thấy ông Dương Nhựt T có nghĩa vụ cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

[2.3] Xét nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông H3, bà H4. Theo tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện ông H3, bà H4 không sử dụng, đăng ký kê khai đất tranh chấp trước năm 1983. Văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông H3, bà H4 (bút lục 36) không thể hiện diện tích chuyển nhượng là bao nhiêu, không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

[2.4] Đồng thời, tại Công văn số 11/CV-CV-CNHTrC ngày 05/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T (bút lục 189) và Công văn số 123/UBND-NC ngày 03/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T (bút lục 371, 372) xác định phía bị đơn có quá trình sử dụng đất từ trước năm 1975 đến nay và thừa

nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông T2 giao trả phần đất có diện tích 87,7m^2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N giao trả phần đất có diện tích 319,6m^2 thuộc một phần thửa số 621, tờ bản đồ số 2, toạ lạc tại ấp T, xã N, huyện T là có căn cứ.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Khi giải quyết vụ việc dân sự, Toà án có quyền huỷ quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Toà án có nhiệm vụ giải quyết"*. Xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định, quyền sử dụng đất được cấp không đúng đối tượng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác nên Toà án cấp sơ thẩm tuyên huỷ giấy chứng nhận này để cơ quan chức năng cấp lại cho chính xác là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Nhựt T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Ông Dương Nhựt T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương N4 Thu

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 6, Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 42, khoản 5 Điều 70, khoản 1 Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 228 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 100, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Nhựt T về việc yêu cầu các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N trả lại quyền sử dụng đất diện tích 319,6m^2 và ông Hà Văn T2 trả lại quyền sử dụng đất diện tích 87,7m^2 thuộc một phần thửa số 621, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hà Văn T2 và ông Trần Văn N (nay là các đồng thừa kế của ông N).

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BV 196458, số thửa 621, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.508m^2 do UBND huyện T cấp ngày 11/12/2014 cho ông Dương Nhựt T đứng tên, đất tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV.

2. Buộc hộ ông Dương Nhựt T gồm: Ông Dương Nhựt T, bà Trầm Thị P2, anh Dương Nhựt T1, chị Dương Trúc G2, anh Dương Kim Đ2 giao diện tích đất 319,6m^2 loại đất CLN, thuộc một phần thửa 621, tờ bản đồ số 2, có diện tích 5.508 m^2 cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn N (Bà Tô Thị C; anh Trần Hải K; chị Trần Thị Ngọc H), phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp đường nhựa có kích thước 18,5m

- Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 621 có kích thước 18,6m

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 621 có kích thước 19,2m

- Hướng Tây giáp (phần A) có kích thước 16,5m

3. Buộc hộ ông Dương Nhựt T gồm: Ông Dương Nhựt T, bà Trầm Thị P2, anh Dương Nhựt T1, chị Dương Trúc G2, anh Dương Kim Đ2 giao diện tích đất 87,7m^2 loại đất CLN thuộc một phần thửa 621, tờ bản đồ số 2, có diện tích 5.508m^2 cho ông Hà Văn T2, phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp đường nhựa có kích thước 5 m

- Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 621 có kích thước 5,6m

- Hướng Đông giáp (phần B) có kích thước 16,5m

- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 621 có kích thước 16,9m

(*Vị trí, kích thước thửa đất xem sơ đồ thửa đất kèm công văn số 09 ngày 01/3/2019 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh TV*).

Bà Tô Thị C, anh Trần Hải K, chị Trần Thị Ngọc H và ông Hà Văn T2 có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 621, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh TV cho ông

Dương Nhựt T sau khi trừ diện tích 407.3m^2 giao cho ông T2 và các thừa kế ông N.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Dương Nhựt T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh TV (1);
- VKSND tỉnh TV (1);
- Các đương sự (34);
- Lưu: hồ sơ (2),VP(3), (LHTT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp